

a) Trình tự thi hành:

- Hội gia đình, cá nhân chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị bắt giữ và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã trong giai đoạn tố tụng;

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, nộp hồ sơ tại Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Sau khi nhận kết quả từ Tòa án tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã trả kết quả cho cá nhân, hội gia đình.

b) Cách thức thi hành: Trả kết quả tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Di chúc, biên bản phân chia tài sản, quyết định ghi nhận quyết định tranh chấp về tài sản QSD đất của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật; đơn đề nghị của người nhận thừa kế đối với trình tự pháp luật về thừa kế là người duy nhất; văn bản cam kết tố tụng cho hoặc hợp đồng tố tụng cho hoặc quyết định tố tụng cho QSD đất của tài sản;

+ Bản sao giấy chứng nhận (trình tự pháp luật về thừa kế theo di chúc);

+ Giấy chứng nhận nhận quyết định tố tụng;

Trên cơ sở hợp đồng mua bán sạt lở đất đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quy hoạch sạt lở đất theo đúng quy định của pháp luật trước ngày 01/11/2007 nhưng chưa được cấp quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, nay có nhu cầu thực hiện thủ tục thanh toán, tạm ngừng thi công phần tiếp theo trong các loại giấy tờ và quy hoạch sạt lở đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai. Vì vậy tiếp nhận, giải quyết các hồ sơ thanh toán hợp đồng này được thực hiện đến hết ngày 31/12/2010.

+ Các tài liệu khai và nghĩa vụ tài chính gồm:

- Tài liệu khai tiền sạt lở đất (mẫu số 01- 05/TSDĐ): 2 bản (trên cơ sở hợp đồng mua bán có giấy chứng nhận quy hoạch sạt lở đất);

- Tài liệu khai lệ phí trước bạ nhà, đất (mẫu số 01- 05/LPTB): 2 bản;

- Tài liệu khai thu chuyển nhượng quy hoạch sạt lở đất (mẫu số 01- 05/CQSĐĐ): 2 bản;

- Tài liệu xây dựng nhà đất tính lệ phí trước bạ (nếu thửa đất có nhà gắn liền với đất, theo mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 32/2006/QĐ-UB ngày 22/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa).

- Số lượng hợp đồng: 01 (bản)

d) Thời hạn giải quyết: 58 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian ngừng sạt lở đất thực hiện nghĩa vụ tài chính).

- Thời gian cấp giấy: 33 ngày;

- Thời hạn ban nhân dân cấp xã: 25 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quy định theo quy định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Tài nguyên - Môi trường, Văn phòng Đăng ký quy định cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện:

- Giấy chứng nhận quy định.

h) Lệ phí: 5.000đ/trong hợp

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai tiến hành đăng ký (mẫu số 01- 05/TSDĐ);

- Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất (mẫu số 01- 05/LPTB);

- Thẻ khai thu chuyên quyên số dùng đất (mẫu số 01- 05/CQSDĐ);

- Thẻ khai xây dựng nhà để tính lệ phí trước bạ.

k) Yêu cầu, điều kiện:

- Hộ gia đình, cá nhân không được nhận thẻ dùng cho quyên số dùng đất để đi vay tín dụng huy động mà pháp luật không cho phép thẻ dùng cho quyên số dùng đất.

- Hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp không được nhận thẻ dùng cho quyên số dùng đất chuyên trồng lúa nước.

- Hộ gia đình, cá nhân không được nhận thẻ dùng cho quyên số dùng đất, đất nông nghiệp trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng; trong khu vực rừng phòng hộ nếu không sinh sống trong khu vực rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đó.

- Hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao đất liền liền để đi vay đất nông nghiệp không thu tiền số dùng đất, đất được miễn tiền số dùng đất mà đã chuyển nhượng và không còn đất sản xuất, không còn đất, nếu được Nhà nước giao đất liền liền thì hai đi vay đất nông nghiệp không thu tiền số dùng đất, đất được miễn tiền số dùng đất thì không được thẻ dùng cho quyên số dùng đất trong thời hạn miễn (10) năm kể từ ngày được giao đất liền liền thì hai.

- Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống xen kẽ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng nếu có điều kiện chuyển ra khỏi phân khu đó thì chỉ được thẻ dùng cho quyên số dùng đất, đất rừng kết hợp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản cho hộ gia đình, cá nhân sinh sống trong phân khu đó.

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, đất sản xuất nông nghiệp trong khu vực rừng

phòng học thì chỉ được dùng cho quy định số đăng ký, để sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ đó.

l) Căn cứ pháp lý chủ yếu:

- Luật Đất đai năm 2003;

- Nghị quyết số 1126/2007/NQ-UBTVQH11 ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về hộ nông nghiệp chuyên quy định số đăng ký nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích nông nghiệp;

- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quy định số đăng ký, thu hồi đất, thêc hiên quy định số đăng ký, trình t, thêc b i thêc ng, hê trê, tái đênh cê khi Nhà nêc thu hêi đêt và giêi quyê t khi u nêi vê đêt đêi;

- Thông t số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thêc hiên mêt sê đêu cê a Nghê đênh sê 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 cê a Chính phê ;

- Thông t số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành mêt sê đêu cê a Luê t Quê n lý thuê và hêc ng đê n thi hành Nghê đênh sê 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 cê a Chính phê quy đênh chi tiê t thi hành mêt sê đêu cê a Luê t Quê n lý thuê ;

- Thông t liên têch sê 30/2005/TTLT/BTC-BTNMT ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn viêc luân chuyê n hê sê cê a ngêi sê đêng đê t

thực hiện nghĩa vụ tài chính;

- Nghị quyết số 01/2008/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 116/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định chi phí thu, nộp, quản lý và sổ đăng phí thẩm định cấp quy định sổ đăng đất;

- Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế thực hiện công khai minh bạch, công khai minh bạch liên thông giữa quy trình thực hành chính trong lĩnh vực đất đai tại các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Mẫu số 01-05/TSDĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

□

TỜ KHAI TÍN DỤNG ĐÓNG

1. Tên tổ chức, cá nhân số dng đt (SDĐ):.....

Địa chỉ ghi thông báo nộp tiền SDĐ:.....

.....

Điện thoại liên hệ (nếu có):.....

2. Giấy tờ v quyên SDĐ (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 điều 50 Luật Đt đt), gồm:

.....

.....

3. Các điểm thỏa đt.....

3.1. Địa điểm (địa chỉ):.....

3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):.....

3.3. Loại đất trước khi chuyển nhượng đích số đăng ký:

3.4. Loại đất sau khi chuyển nhượng đích số đăng ký:.....

3.5. Thời điểm đăng ký quy định số đăng ký: ngày tháng năm

3.6. Người giao số đăng ký:.....

4. Diện tích nộp tiền số đăng ký (m²):

4.1. Đất tại nông thôn:

a. Trong khuôn viên công nhận đất :

b. Trên khuôn viên công nhận đất :.....

4.2. Đất tại đô thị :

a. Diện tích số đăng ký riêng:.....

b. Diện tích sản xuất chung:

4.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

5. Các khoản giảm trừ tiền SDĐ hoặc miễn giảm tiền SDĐ (nếu có):

5.1. Số tiền thuế bất kỳ theo luật thuế, lệ phí:

5.2. Số tiền sản xuất, thuê đất đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miễn, giảm tiền sản xuất (ghi rõ thuế trừ theo pháp luật nào quy định tại điều 12 và điều 13 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP của Chính phủ):

6. Giấy tờ chứng minh thuế đất, thuế miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sản xuất (nếu bạn nào thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bất kỳ theo luật, lệ phí, chứng từ về tiền sản xuất, tiền thuê đất đã nộp trước

.....

.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật./.

Ngày tháng

NGđ đđ I KÊ KHAI

Ký tên, ghi rõ hđ tên, đóng dđ u (nđ u là tđ chđ c)

1

M u s 01-05/CQSDĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI THU CHUYỂN QUYỀN SỞ DẪNG ĐẤT

(Áp dụng đối với cá nhân không kinh doanh; hộ gia đình, cá nhân)

[illegible]

1. Tên t_h ch_í c, cá nhân chuy_ên quy_{ên} s_ố d_{anh} đ_ôt:.....

.....

Đã a ch:.....

2. Tên tổ chức, cá nhân nhận quyên góp đóng góp.....

.....

Đã a ch :.....

3. Họ, tên người kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân.....

3.1. Địa chỉ ghi thông báo nộp thuế:.....

.....

3.2. Điện thoại liên hệ (nếu có).....

.....

4. Họp đóng thuế thu nhập cá nhân làm tại:.....

ngày.....tháng.....năm.....và đã được Công chứng công nhận hoặc UBND xã
(phòng, thôn) công bố ngày.....tháng.....năm.....

**5. Các giấy tờ về thuế thu nhập cá nhân (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Thuế
địa):**.....

.....

.....

6. Đơn đăng ký thuế thu nhập cá nhân

6.1. Địa chỉ thuê nhà ở:.....

6.2. Vị trí thuê nhà ở (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):.....

6.3. Loại nhà ở:.....

6.4. Diện tích (m²):.....

6.5. Giá trị nhà ở chuyển nhượng thuế thu nhập (đồng):.....

7. Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà ở hợp pháp hoặc thu được từ việc mua, giảm thuế QSDĐ kèm theo, gồm:

.....

.....

.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật./.

Ngày tháng

NGđ đ đ KHAI

Ký tên, ghi rõ hđ tên, đóng dđ u (nđ u là đđ chđ c)

Mđ u sđ 01-05/LPTB

đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

□

THẺ KHAI LƯU PHÍ TRƯỚC CÁN BỘ NHÀ ĐẤT

I. TÊN CHỦ SỞ HỮU, SỐ QUÂN NHÀ ĐẤT:.....

1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền LPTB:.....

.....
.....
.....

2. Địa chỉ liên hệ (nếu có):.....

II. ĐƠN CHỈ ĐỊNH NHÀ ĐẤT:

1. Đơn vị:.....

1.1 Địa chỉ thửa đất:.....

.....

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):.....

1.3. Mục đích sử dụng đất:.....

1.4. Diện tích (m²):.....

1.5. Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:.....

Địa chỉ người giao QSDĐ:.....

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày..... tháng.....năm.....

1.6. Giá trị đất theo chuyển giao (nếu có):.....

2. Nhà:

2.1. Công nhà:..... Loại nhà:.....

2.2. Diện tích nhà (m^2 sàn xây dựng).....

2.3. Nguồn gốc nhà:.....

a) Tự xây dựng:.....

Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu xây dựng nhà):.....

b) Mua, thuê lại, cho, tặng:.....

Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: ngày.....tháng.....năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):.....

3. Thông tin giá trị nhà, đất thuộc quyền chuyển nhượng, nhận thuê lại, nhận tặng cho

.....

4. Tài sản thu được không phải nộp lệ phí trước bạ (lý do):.....

5. Giấy tờ có liên quan, kèm:

.....

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đây là đúng s t t./.

.....Ngày tháng...
... năm.....

CHỈ TÀI S N

Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu u là t chủ c)

đ

đ

đ

đ

đ

đ

đ

đ

đ

đ

đ

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

đ

đ

đ

Cđ NG HÒA XÃ Hđ I CHđ NGHĨA VIđ T NAM

Đđ c lđ p – Tđ do – Hđ nh phúc

Tđ KHAI XÂY Đđ NG NHÀ Đđ TÍNH Lđ PHÍ TRđ đ C Bđ

1- Hđ tên chđ sđ hđ u nhà:

2- Đđ a chđ cđ trú:
.....

3- Kê khai căn nhà xây đđ ng tđ i:.....

3.1- Phđ n kê khai nhà cđ p 4:

Nhà..... t^đ ng; **T^đ ng**: g^đ ch dày 100 – 200 “, ván “; **C^đ a**: ; **Mái**:.....

M^đ t t^đ n nhà **p lát**: có “, không “; **H^đ th^đ ng thi^đ t b^đ v^đ sinh**: t^đ t “, bình th^đ ng “;

Tr^đ n nhà: có “, không “; **Tr^đ BTCT**: có “, không: “

3.2- Nhà..... t^đ ng, t^đ ng dày 100-200, sàn: , n^đ n:..... , mái:.....

3.3- Nhà..... t^đ ng, t^đ ng dày 100-200, sàn: , n^đ n:..... , mái:.....

3.4- Nhà..... t^đ ng, t^đ ng dày 100-200, sàn: , n^đ n:..... , mái:.....

Tôi cam đoan nh^đ ng l^đ i kê khai trên đây là đúng s^đ th^đ t.

Nha Trang, ngày..... tháng..... năm 200.....

Ng^đ i kê khai (ký và ghi rõ h^đ tên)

□

PHẦN KIỂM TRA CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QSD ĐẤT

□

Tôi tên:

là CBCC thẩm lý, kiểm tra xác định:

Tổng diện tích đất:..... m² (trong đó có:
đất –

m² thuộc khu quy hoạch phải thu hồi
loại đất:.....) di

Diện tích sổ đăng chung

: m²
2

Diện tích xây dựng:..... m²; **Diện tích sàn:**..... m².

1/ Cấu trúc nhà xây dựng:

+ Nhà: 01 tầng; Tường: gạch, vữa; **Cửa:** gỗ, sắt, nhôm; **Mái:**..... ;

Một tầng nhà BTCT: có, không; **Đất lát:** có, không; **Hệ thống thoát nước:** có, không; **Diện tích xây dựng:**..... m²
2

;
Chức năng
:..... %.

Nếu nhà bạn thì ghi rõ nhà bạn:....., diện tích:..... m².

+ Nhà:..... tầng, sàn:....., mái:....., DT sàn:..... m², chức năng:..... %.

+ Nhà:..... tầng, sàn:....., mái:....., DT sàn:..... m², chức năng:..... %.

+ Nhà:..... tầng, sàn:....., mái:....., DT sàn:..... m², chức năng:..... %.

2/ Thuế: Thuế đóng loại:....., vị trí:....., h số:....., h số tiếp giáp:.....

3/ H số Kmd: Diện tích:..... m², h số:; Diện tích:....., h số: 0,9;

Diện tích:..... m², h số "0,7.

Tôi đã kiểm tra xác định và chịu trách nhiệm số liệu nói trên là đúng.

Cán bộ kiểm tra (ký và ghi rõ họ tên)